TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín,

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hưởng,

Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 và số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Lan P - Sinh năm: 1973, "có mặt"

Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Kiều D - Sinh năm: 1968, "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 08/4/2019, bản tự khai ngày 06/5/2019, nguyên đơn bà Phan Lan P trình bày: Bà và ông Kiều D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, được cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/1997. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau giữa bà và ông D phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, ông D không quan tâm, chăm sóc gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Bà và ông D không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kiều D.

Về con chung: Bà P và ông D có hai con chung là Kiều Ngọc N (sinh ngày 27/6/1997), Kiều Lan U (sinh ngày 16/12/2001). Kiều Ngọc N đã thành niên và khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Kiều Lan U, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nợ chung với ông D, không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

Tòa án xác minh và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông Kiều D nhưng ông D không đến Tòa để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Kiều D vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phan Lan P và ông Kiều D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K - huyện U, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà P xác định bà và ông D phát sinh mâu thuẫn, không khắc phục được nên chung sống không hạnh phúc, không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2019. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông D không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Phan Lan P được ly hôn với ông Kiều D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Kiều Ngọc N đã thành niên và khỏe mạnh, bà P không yêu cầu gì về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là Kiều Lan U, cháu U cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi, ông D không đến Tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu nuôi con chung nên cần giao cho bà P tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Kiều Lan U là phù hợp.

Bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, ông D cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông D. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có nợ chung với ông D và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Phan Lan P phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Lan P. Bà Phan Lan P được ly hôn ông Kiều D.

2. Về con chung:

- Con chung Kiều Ngọc N đã thành niên. Giao cho bà Phan Lan P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên là Kiều Lan U (sinh ngày 16/12/2001).

- Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Kiều D.

- Ông Kiều D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Phan Lan P, ông Kiều D có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phan Lan P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002631 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã K– huyện U.
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Tín

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 20 phút, ngày 10 tháng 9 năm 2019

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng,
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Lan Phương - Sinh năm: 1973,

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Kiều Du - Sinh năm: 1968,

Địa chỉ: Thôn An Ninh, xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[1]

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Xét thấy: Bị đơn ông Kiều Du đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019

Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa: 14 giờ 00 ngày 30/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Hùng):Thống nhất ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 35 phút, ngày 10 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hưởng Nguyễn Văn Hùng *Huỳnh Thị Tín*

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 20 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2019

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng,
2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Lan Phương - Sinh năm: 1973,

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Kiều Du - Sinh năm: 1968,

Địa chỉ: Thôn An Ninh, xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[1]

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Xét thấy: Nguyễn đơn bà Phan Lan Phương có đơn xinm hoãn phiên tòa.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019

Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa: 14 giờ 00 ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Hùng):Thống nhất ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 35 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hưởng Nguyễn Văn Hùng *Huỳnh Thị Tín*

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 10 năm 2019

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng,
2. Ông Trần Trực.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Lan Phương - Sinh năm: 1973,

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Kiều Du - Sinh năm: 1968,

Địa chỉ: Thôn An Ninh, xã Diên An, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Căn cứ Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[1]

Về thủ tục tố tụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Kiều Du vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Điều luật áp dụng:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về yêu cầu khởi kiện:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Lan Phương. Bà Phan Lan Phương được ly hôn ông Kiều Du.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Giao cho bà Phan Lan Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Kiều Lan Uyên (sinh ngày 16/12/2001).

Bà Phương không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Du.

Ông Kiều Du có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Phan Lan Phương, ông Kiều Du có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về sản chung, nợ chung:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng): Bà Phương xác định không có nợ chung với ông Du và không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Về án phí:

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Phan Lan Phương phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002631 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Do đó, bà Phương đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực): Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Hưởng):

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực):Thống nhất với ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

- Hội thẩm nhân dân 1 (bà Đang):

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Trực):Thống nhất ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.

- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 17 tháng 10 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hưởng *Trần Trực* *Huỳnh Thị Tín*

- Hội thẩm nhân dân 2 (ông Cường):Thống nhất với ý kiến Hội thẩm nhân dân 1.
- Chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 ý kiến thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TAND HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

PHIẾU ĐỀ XUẤT HƯỚNG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Vụ án thụ lý số: **457**/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2019
Xử sáng 02/5/2019.

* Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Ánh Nguyệt**, sinh năm 1982. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Tân Xương 1, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, Khánh Hòa.
* Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh Hùng**, sinh năm 1981. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Tân Khánh, xã Suối Tiên, huyện Diên Khánh, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Hoàng Thị Ánh Nguyệt trình bày: Năm 2003, Bà Nguyệt và ông Nuyễn Minh Hùng tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Cát, huyện Cam Lâm và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/6/2003. Trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà và ông Hùng ngày càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông Hùng thường xuyên bài bạc, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, không phụ giúp bà về kinh tế, không chia sẻ mọi mặt trong cuộc sống khiến vợ chồng thường xuyên cãi vả, không có hạnh phúc. Đã nhiều lần bà Nguyệt nhẫn nhịn, khuyên nhủ, mong muốn ông Hùng thay đổi để hàn gắn gia đình nhưng đến nay vẫn không giải quyết được mâu thuẫn chung. Bà và ông Hùng không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2016 cho đến nay. Trong khoảng thời gian không chung sống với nhau, giữa bà và ông Hùng không gặp nhau, ông Hùng không nhắc đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, thỉnh thoảng chỉ liên lạc với bà hỏi thăm con, bà xác định không còn tình cảm với với ông Hùng. Do đó, bà Nguyệt yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Minh Hùng.

- Về con chung: Bà Nguyệt và ông Hùng có 03 con chung là Nguyễn Minh Huy - sinh ngày 28/4/2003, Nguyễn Minh Hiếu - sinh ngày 18/10/2008 và Nguyễn Minh Hân - sinh ngày 15/6/2011. Hiện nay, cả 03 con chung nêu trên đang sinh sống cùng với bà Nguyệt tại xã Suối Cát, huyện Cam Lâm. Thỉnh thoảng, ông Hùng có cấp dưỡng nuôi con để phụ giúp trong việc học hành, ăn uống, sinh hoạt của con và cả 03 con đều có nguyện vọng được ở cùng với bà Nguyệt nên bà Nguyệt có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Hùng cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh Hùng vắng mặt, đã được niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại nhà ông Nguyễn Minh Hùng và tại Ủy ban nhân dân xã Suối Tiên.

Hướng đề xuất giải quyết vụ án:

Điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt được ly hôn ông Nguyễn Minh Hùng.

[2] Về con chung:

- Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung nêu trên.
- Bà Nguyệt không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông Hùng không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Hùng.
- Ông Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, ông Nguyễn Minh Hùng có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Bà Nguyệt phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của Lãnh đạo **Thẩm phán**